

Bản án số: 78/2019/HS-ST

Ngày 11-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây;

2/ Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài - Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn H, sinh năm 1977 tại: N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã L, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P, sinh năm 1950 và bà Trần Thị B, sinh năm 1950; vợ tên Phan Thị K, sinh năm 1983; bị cáo có 05 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Ông Trần Văn N (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại bao gồm:

1. Ông Trần P, sinh năm 1950;
2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1950;
3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974;

4. Cháu Trần Văn T, sinh năm 1995;
5. Cháu Trần Văn Tu, sinh năm 1998;
6. Cháu Trần Thị Thu H, sinh năm 2003;
7. Cháu Trần Vĩnh P, sinh năm 2009.

Cùng địa chỉ: Thôn Bắc S, xã L, huyện Y, tỉnh N;

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại:
Ông Trần Văn K, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Bắc S, xã L, huyện Y, tỉnh N; có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố Khánh Hội, phường Tân Phước Khánh, thị xã T, tỉnh B; có mặt;
2. Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1956; địa chỉ: 444-446 Hai Bà Trưng, Phường T, Quận 1, Thành phố H; vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1968; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định của Luật giao thông đường bộ.

Khoảng 15 giờ ngày 15-4-2018, H điều khiển xe mô tô biển số 51T6-8028 chở ông Trần Văn N (là anh ruột của H) ngồi phía sau lưu thông trên đoạn đường ĐT 746 theo hướng ngã tư chợ T về hướng của Hai Lục. Khi đến đoạn đường ngã ba giao nhau giữa đường ĐT746 và đường T 13 thuộc khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh B vì thiếu chú ý quan sát nên để tay cầm bên phải xe mô tô 51T6-8028 va chạm vào cạnh xe bên trái xe ô tô biển số 61C-152.91 do Phạm Văn T điều khiển cùng chiều phía trước và cùng chuyển hướng vào đường T13 dẫn đến xe mô tô 51T6-8028 cùng với ông N và ông H ngã xuống đường. Hậu quả sau tai nạn ông H bị thương tích nhẹ, ông N bị bầm dập bên trái xe ô tô biển số 61C-152.91 cán qua đầu dẫn đến tử vong tại hiện trường.

Hiện trường vụ tai nạn là đoạn đường thẳng tại giao lộ ngã 3 giữa đường ĐT746 với đường T 13. Phía lề phải hướng từ ngã tư chợ T về khu vực giao lộ ngã 3 xảy ra tai nạn có đặt biển báo nguy hiểm “Giao nhau với đường không ưu tiên bên trái” cách hiện trường vụ tai nạn trên 50m.

Đoạn đường ĐT746 được trải nhựa bằng phẳng, rộng 10,00m, giữa mặt đường có vạch sơn không liền nét chia mặt đường thành hai phần đường, mỗi phần đường rộng 5,00m. Chọn lề đường bên phải hướng từ cầu Hai Lực về ngã tư Tân Phước Khánh làm lề chuẩn thứ nhất. Chọn lề đường bên phải hướng từ khu Nam Việt ra giao lộ rẽ phải về ngã tư T làm lề chuẩn thứ hai. Chọn trụ đèn điện số 37 nằm bên hành lang lề phải thứ nhất làm điểm mốc.

Xe ô tô biển số 61C-152.91 sau tai nạn đầu xe quay vào hướng khu Nam Việt, đuôi xe quay chéo hướng ngã tư T. Đo từ trục trước bên trái vào lề chuẩn thứ nhất là 5,20m. Đo từ trục sau bên trái vào lề chuẩn thứ nhất là 1,40m. Đo từ trục trước bên trái vào lề chuẩn thứ hai là 6,10m. Đo từ trục sau bên trái vào lề chuẩn thứ hai là 4,70m. Đo từ trục trước bên phải vào điểm mốc là 8,50m.

Xe mô tô biển số 51T6-8028 sau tai nạn thân xe ngã về bên trái, đầu xe quay chéo hướng lề chuẩn thứ nhất, đuôi xe quay chéo hướng cầu Hai Lực. Đo từ trục trước bên phải vào lề chuẩn thứ nhất là 2,10m. Đo từ trục sau đến trục sau bên trái xe ô tô biển số 61C-152.91 là 6,20m.

Ông N nằm chết tại hiện trường trong tư thế nằm sấp bên trái, đầu quay chéo hướng cầu Hai Lực, chân quay chéo hướng lề chuẩn thứ nhất. Đo từ đầu nạn nhân vào lề chuẩn thứ nhất là 2,30m. Đo từ chân nạn nhân vào lề chuẩn thứ nhất là 1,50m. Đo từ chân nạn nhân vào đến trục sau bên trái xe ô tô biển số 61C-152.91 là 4,20m. Xung quanh hiện trường từ vùng đầu nạn nhân tới trục sau bên trái xe ô tô biển số 61C-152.91 có rơi vãi nhiều bộ phận tổ chức não của nạn nhân.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T tạm giữ 01 xe mô tô biển số 56T6-8028; 01 xe ô tô biển số 61C-152.91; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô mang biển số 61C-152.91; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 61C-152.91; 01 Giấy phép lái xe hạng D cấp cho ông Phạm Văn T.

Tại kết luận giám định pháp y tử thi số 273/PC54-GDPY ngày 18-4-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên nhân Trần Văn N tử vong do đa chấn thương, chấn thương sọ não.

- Xe ô tô mang biển số 61C-152.91, nhãn hiệu: THACO, loại xe: Tải có mui, màu sơn: Xanh, số máy: 05QFB6336099, số khung: 35YF7C011347 do ông Hà Công D đứng tên đăng ký xe. Ông D bán xe này cho ông Phạm Văn T nhưng không làm thủ tục sang tên. Ngày 07-8-2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cùng tất cả các giấy tờ cho ông T.

- Xe mô tô biển số 51-T6-8028, màu sơn: Xám, nhãn hiệu: SUZUKI VIVA, số khung: BB441VN-107100, số máy: E413VN-107100 do ông Hoàng Văn Th đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Ngày 15-4-2018, ông Th cho bị hại Trần Văn N mượn xe sử dụng. Ngày 04-3-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho ông Th. Ông Th không có yêu cầu gì khác.

Ông Trần Văn K là đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị báo đã bồi thường chi phí mai táng và tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại số tiền hai bên thỏa thuận là 40.000.000 đồng. Ông Phạm Văn T cũng đã hỗ trợ cho gia đình bị hại với số tiền 180.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 69/CT-VKSTU ngày 03-5-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng và cho rằng sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại; gia đình bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H với mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ân hận vì đã gây ra vụ tai nạn giao thông làm chết chính anh ruột của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, đang phải nuôi 05 đứa con nhỏ để có mức hình phạt phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và

những người tham gia tổ tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 15 tháng 4 năm 2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 51T6-8028 lưu thông trên đoạn đường ĐT746 thuộc khu phố Bình Hòa 2, phường T, thị xã T, tỉnh B chuyển hướng không chú ý quan sát phía trước nên va chạm với xe ô tô biển số 61C-152.91 đang lưu thông phía trước cùng chiều. Hậu quả làm ông Trần Văn N là anh ruột của bị cáo đang ngồi phía sau té xuống đường bị xe ô tô biển số 61C-152.91 cán qua đầu tử vong tại chỗ. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1, 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ và đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Do bị cáo không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định của Luật giao thông đường bộ nên Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến an toàn, sự hoạt động bình thường của các phương tiện và người tham gia giao thông và nghiêm trọng hơn đã tước đi tính mạng của người bị hại. Hiện nay, tình trạng vi phạm luật giao thông đường bộ của các lái xe xảy ra ngày càng nghiêm trọng, nhiều trường hợp dẫn đến tai nạn hết sức thương tâm. Hậu quả của tai nạn làm cho nạn nhân bị tàn phế hoặc chết, để lại nỗi đau thương, sự mất mát cho người thân của họ và ảnh hưởng lâu dài đến xã hội. Do đó, cần áp dụng một hình phạt thật nghiêm để bị cáo thấy được mức độ nguy hiểm do hành vi của mình gây ra, đồng thời cũng nhằm răn đe những người tham gia giao thông nhưng không tuân thủ luật giao thông đường bộ, xem thường sức khỏe, thậm chí cả tính mạng của người khác.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả do mình gây ra; gia đình bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị hại cũng có phần lỗi khi giao xe cho bị cáo điều khiển dù biết bị cáo không có giấy phép lái xe. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị mức án đối với bị cáo như trên là phù hợp với tính chất, mức độ và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[7] Ngoài ra, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần bắt phải chấp hành hình phạt tù, việc cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án (11-6-2019).

Giao bị cáo Trần Văn H cho UBND xã L, huyện Y, tỉnh N để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

3. Về xử lý vật chứng: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã L, huyện Y, tỉnh N;
- Bị cáo và những người TGTĐ khác;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trí